

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39 /2023/KDTM - ST

Ngày: 21 - 7 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

2. Bà Phạm Thị Tú Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2023/QĐST- KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 124/2023/QĐST- KDTM ngày 31 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T

Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi N, phường 8, Quận 3, Tp. H

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức H – Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro thuộc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T - Chi nhánh B (Theo giấy ủy quyền số: 20/2023/GUQ-VNBD ngày 28/02/2023).

Địa chỉ: 98 Mai Xuân T, Tp. Q, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Hồ Trần Hồng H, sinh năm 1974

Địa chỉ: 73 Chương D, phường N, Thành phố Q, tỉnh B.

(Ông H có mặt, bà H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T, ông Trần Đức H trình bày:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – Chi nhánh B cho bà Hồ Trần Hồng H vay số tiền 8.000.000.000 đồng và phát hành thẻ tín dụng hạn mức 600.000.000 đồng theo các Hợp đồng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 202226541955 ngày 24/02/2022, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh buôn chuyển hàng hải sản, phương thức trả nợ: trả lãi hàng tháng vốn trả cuối kỳ, ngày trả lãi: ngày 24 hàng tháng, đang có dư nợ vay 8.000.000.000 đồng theo các giấy nhận nợ cụ thể như sau:

STT	Số giấy nhận nợ	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Dư nợ (đồng)	Lãi suất (%/năm)	Đến ngày 21/07/2023			Tổng cộng dư nợ + lãi + phạt (đồng)
						Lãi trong hạn	Lãi phạt quá hạn	Lãi phạt chậm trả	
1	LD222300179	11/08/2022	11/02/2023	2.000.000.000	9	6.958.750	119.095.890	306.948	2.126.361.588
2	LD222300231	11/08/2022	11/02/2023	1.000.000.000	9	3.698.630	59.547.945	163.145	1.063.409.720
3	LD2222800132	16/08/2022	16/02/2023	3.000.000.000	9	14.794.521	173.095.890	632.314	3.188.522.725
4	LD2223400086	22/08/2022	22/02/2023	1.100.000.000	9	7.052.055	61.027.397	289.810	1.168.369.263
5	LD2225900013	16/09/2022	16/03/2023	900.000.000	9,5	11.243.836	44.975.342	429.666	956.648.844
	Tổng cộng			8.000.000.000		43.747.791	457.742.466	1.821.883	8.503.312.140

2. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số: 1722808 ngày 06/05/2021 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số: 1722808 ngày 21/11/2022: hạn mức 600.000.000 đồng, dư nợ hiện tại: 521.491.871 đồng.

Để đảm bảo cho các Hợp đồng nêu trên, bà Hồ Trần Hồng H đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 26, diện tích 78,61m²; địa chỉ: số 73 đường C, phường N, Thành phố Q, tỉnh B; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS02314 ngày 25/07/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp đứng tên bà Hồ Trần Hồng H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202226541955/HĐTC ngày 24/02/2022, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 202226541955-01/HĐTC ngày 20/12/2022.

Trong năm 2022, tình hình kinh doanh của khách hàng có dấu hiệu suy yếu thường xuyên thanh toán lãi vay trễ hạn. Đến nay khách hàng đã ngưng hoạt động kinh doanh, nguồn thu của khách hàng không đảm bảo để thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với khách hàng nhưng do khách hàng không hợp tác nên không thống nhất được phương án trả nợ cũng như xử lý tài sản để thanh toán nợ vay. Đến ngày 21/7/2023, toàn bộ khoản vay của bà Hồ Trần Hồng H đã chuyển sang nợ quá hạn với tổng số tiền là 9.106.721.015 đồng, bao gồm:

- Vay Hợp đồng tín dụng số: 202226541955 ngày 24/02/2022 số tiền còn nợ: 8.503.312.140 đồng, trong đó: Vốn gốc 8.000.000.000 đồng, lãi và lãi phạt quá hạn 503.312.140 đồng

- Vay thẻ tín dụng: 603.408.875 đồng; trong đó: vốn gốc 558.827.843 đồng, lãi và lãi phạt quá hạn 44.581.032 đồng.

Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Trần Hồng H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 21/7/2023 là 9.106.721.015 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận Hợp đồng tín dụng; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng. Trong trường hợp bà H không trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ vay theo quy định.

+ *Bị đơn bà Hồ Trần Hồng H*: Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H không đến Tòa làm việc nên không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 299, 323 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T buộc bà Hồ Trần Hồng H thanh toán toàn bộ vốn gốc và lãi vay theo Hợp đồng tín dụng và vay thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 21/7/2023 là 9.106.721.015 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Nếu bà H không trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất tại địa chỉ: số 73 đường C, phường N, Thành phố Q, tỉnh B để thu hồi nợ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (Sacomb) khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Hồ Trần Hồng H, trú tại địa chỉ: 73 C, phường N, Thành phố Q, tỉnh B phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và Giấy đề nghị kèm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân mà các bên đã ký kết với mục đích vay phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán tạp hóa các loại nên quan hệ pháp

luật được xác định: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc trường hợp tranh chấp về kinh doanh thương mại và vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần tổng đạt, niêm yết hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho bị đơn bà Hồ Trần Hồng H nhưng bà H không đến Tòa làm việc. Tòa án kết hợp chính quyền địa phương đến nhà để tiến hành lấy lời khai nhưng bà H vắng mặt nên không lấy được lời khai. Trước khi xét xử, Tòa đã áp dụng các thủ tục theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà H không có mặt tại phiên toà, vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; đây là trường hợp cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T – chi nhánh B (Sacomb B) cho bà Hồ Trần Hồng H vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 202226541955 (áp dụng cho phương thức hạn mức) ngày 24/02/2022 vay số tiền 8.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh buôn chuyến hàng hải sản. Phương thức trả nợ: trả lãi hàng tháng vốn trả cuối kỳ, ngày trả lãi: ngày 24 hàng tháng. Sau đó Sacomb B phát hành thẻ tín dụng hạn mức 600.000.000 đồng cho bà H theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số: 1722808 ngày 06/05/2021 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số: 1722808 ngày 21/11/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng, Sacomb B đã thực hiện đúng nghĩa vụ đã giải ngân cho bà H tổng cộng 8.000.000.000 đồng theo các giấy nhận nợ giấy nhận nợ số: LD2222300179 ngày 11/08/2022; giấy nhận nợ số: LD2222300231 ngày 11/08/2022; giấy nhận nợ số: LD2222800132 ngày 16/08/2022; giấy nhận nợ số: LD2223400086 ngày 22/08/2022; giấy nhận nợ số: LD2225900013 ngày 16/09/2022; phát hành thẻ tín dụng hạn mức 600.000.000 đồng cho bà H.

Tuy nhiên kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 26/01/2023 bà H đã trả cho Sacomb B tổng cộng 321.292.188 đồng tiền lãi nhưng sau đó không tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận, hiện tại khoản nợ của bà H đã chuyển sang nợ quá hạn theo quy định. Thời gian qua, Sacomb B nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc về việc trả nợ nhưng bà H không thực hiện. Như vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân nên Sacomb khởi kiện yêu cầu bà H trả số nợ gốc và lãi còn nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho Sacomb số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/7/2023 là 9.106.721.015 đồng, bao gồm: Vay Hợp đồng tín dụng số:

202226541955 ngày 24/02/2022 số tiền còn nợ: 8.503.312.140 đồng, trong đó: Vốn gốc 8.000.000.000 đồng, lãi và lãi phạt quá hạn 503.312.140 đồng. Vay thế tín dụng: 603.408.875 đồng; trong đó: vốn gốc 558.827.843 đồng, lãi và lãi phạt quá hạn 44.581.032 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán sau ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng; giấy đề nghị cấp thế tín dụng kèm Hợp đồng và Giấy đề nghị kèm Hợp đồng cấp thế tín dụng cá nhân cho đến khi trả hết nợ.

[2.2] Về tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay, bà Hồ Trần Hồng H thế chấp Ngân hàng tài sản là: Quyền sử dụng đất và nhà ở tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 26, diện tích 78,61m²; địa chỉ: số 73 đường Chương D, phường N, Thành phố Q, tỉnh B; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS02314 ngày 25/07/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp đứng tên bà Hồ Trần Hồng H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202226541955/HĐTC ngày 24/02/2022, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 202226541955-01/HĐTC ngày 20/12/2022. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà H. Tài sản thế chấp và hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng, đăng ký thế chấp theo quy định nên có giá trị pháp lý để các bên thực hiện. Do đó, nếu trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Sacomb thì Sacomb có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/5/2023: Hiện trạng tài sản thế chấp như sau: Nhà và đất tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 26, diện tích 78,61m²; địa chỉ: số 73 đường Chương D, phường N, Thành phố Q, tỉnh B. Tại thời điểm xem xét, thẩm định không có mặt bà H; nhà khóa cửa sắt bên ngoài. Tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 02 tầng hiện trạng không thay đổi so với thời điểm thế chấp.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Hồ Trần Hồng H phải chịu 3.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng nên bà Hồ Trần Hồng H phải hoàn lại Ngân hàng số tiền tạm ứng 3.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bà Hồ Trần Hồng H phải chịu 117.106.721 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T không phải chịu nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 292, 295, 299, 317, 318 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.
2. Buộc bà Hồ Trần Hồng H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 21/7/2023 là 9.106.721.015 đồng, bao gồm:
 - Vay theo Hợp đồng tín dụng số: 202226541955 ngày 24/02/2022 số tiền còn nợ: 8.503.312.140 đồng, trong đó: Vốn gốc 8.000.000.000 đồng, lãi và lãi phạt quá hạn 503.312.140 đồng
 - Vay theo thẻ tín dụng: 603.408.875 đồng; trong đó: vốn gốc 558.827.843 đồng, lãi và lãi phạt quá hạn 44.581.032 đồng.
3. Khi bà Hồ Trần Hồng H trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T - chi nhánh B có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ giấy tờ bản gốc có liên quan đến tài sản thế chấp cho bà Hồ Trần Hồng H.
4. Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Hồ Trần Hồng H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và Giấy đề nghị kèm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và nhà ở tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 26, diện tích 78,61m²; địa chỉ: số 73 đường Chương D, phường N, Thành phố Q, tỉnh B; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS02314 ngày 25/07/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp đứng tên bà Hồ Trần Hồng H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 202226541955/HĐTC ngày 24/02/2022, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số: 202226541955-01/HĐTC ngày 20/12/2022.
5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Hồ Trần Hồng H phải nộp 3.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng nên bà Hồ Trần Hồng H phải hoàn lại Ngân hàng số tiền tạm ứng 3.000.000 đồng.
6. Về án phí: Bà Hồ Trần Hồng H phải chịu 117.106.721 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền tạm ứng án phí 58.300.000 đồng theo biên lai thu số 0003398 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Hồ Trần Hồng H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T thì lãi suất mà bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.

7.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ung Quang Định

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tú Nga

Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Ung Quang Định

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Quang Định